

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy chế hợp tác với các địa phương của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

GIÁM ĐỐC VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM

Căn cứ quyết định số 55/2008/QĐ-BNN ngày 24/04/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;

Căn cứ quyết định số 2166/QĐ-BNN-TCCB ngày 17/07/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng ban Kế hoạch Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế hợp tác với các địa phương của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Ban: Tổ chức, Hành chính; Kế hoạch, Tổng hợp; Tài chính Kế toán; các cá nhân và đơn vị liên quan trực thuộc Viện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Lưu KHTH, VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Vũ Việt



Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2016

QUY CHẾ HỢP TÁC VỚI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo quyết định số 1374/QĐ-VKHTLVN ngày 05 tháng 9 năm 2016 của Giám đốc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam)

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi: Các vấn đề liên quan đến hoạt động Khoa học công nghệ, dịch vụ tư vấn và các dịch vụ khác triển khai thực hiện tại địa phương.
3. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với tất cả các cá nhân và đơn vị trực thuộc Viện tham gia thực hiện các nhiệm vụ tại địa phương.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý

1. Việc quản lý hoạt động khoa học công nghệ, dịch vụ tư vấn và các dịch vụ khác của Viện hợp tác với địa phương tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành, các quy chế, quy định của địa phương và của Viện; bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo điều hành theo phân cấp quản lý trong toàn Viện; bảo đảm trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị trực thuộc và các cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ.
2. Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam là đầu mối điều phối chung hoạt động khoa học công nghệ, dịch vụ tư vấn và các dịch vụ khác với các địa phương.

Điều 3. Các loại hình nhiệm vụ thực hiện tại địa phương

1. Đề tài/dự án KH-CN cấp quốc gia Viện phối hợp với địa phương đề xuất và đơn vị thực hiện, sử dụng kinh phí từ Bộ Khoa học và Công nghệ;
2. Đề tài/dự án sử dụng kinh phí từ nguồn sự nghiệp khoa học công nghệ của địa phương;
3. Các nhiệm vụ tư vấn triển khai trên địa bàn tỉnh và sử dụng kinh phí của địa phương hoặc từ các nguồn kinh phí khác;
4. Các nhiệm vụ Đào tạo và Hợp tác quốc tế;
5. Các nhiệm vụ mang tính chuyên gia độc lập phối hợp, hỗ trợ địa phương.

Điều 4. Phân công trách nhiệm

1. Giám đốc Viện:
 - a) Thỏa thuận, ký kết biên bản hợp tác với các địa phương;
 - b) Chỉ đạo, điều phối, phân công các đơn vị tham gia thực hiện các nhiệm vụ với địa phương;

(Chữ ký)

c) Huy động, tập hợp các nguồn lực của Viện để triển khai những nhiệm vụ lớn yêu cầu có sự tham gia của nhiều đơn vị trực thuộc Viện tại địa phương.

2. Ban Kế hoạch Tổng hợp:

a) Là đầu mối tham mưu cho Giám đốc Viện trong việc hợp tác với các địa phương;

b) Xây dựng kế hoạch tiếp cận, hợp tác với địa phương trên cơ sở thống nhất ý kiến với các đơn vị để đưa vào kế hoạch hàng năm trình Giám đốc Viện quyết định;

c) Phối hợp với các đơn vị thuộc Viện chuẩn bị nội dung làm việc và liên hệ với địa phương;

d) Đề xuất, điều phối các đơn vị tham gia thực hiện các nhiệm vụ với địa phương trình Giám đốc Viện quyết định trên cơ sở chức năng, năng lực của các đơn vị;

e) Định kỳ 6 tháng tổng hợp các nhiệm vụ đang phối hợp thực hiện với địa phương báo cáo Giám đốc Viện về tiến độ, chất lượng và những vướng mắc phát sinh cần giải quyết;

g) Lập dự trù kinh phí hoạt động tiếp cận địa phương trình Giám đốc Viện quyết định. Kinh phí hoạt động được trích từ kinh phí thực hiện nhiệm vụ tại các địa phương .

3. Ban Tài chính, Kế toán:

a) Bố trí kinh phí cho hoạt động tiếp cận, và thực hiện các nhiệm vụ với địa phương;

b) Kiểm soát chế độ chi tiêu, thanh quyết toán kinh phí;

4. Các đơn vị chuyên môn:

a) Chủ động liên hệ, tiếp cận với các địa phương. Báo cáo nội dung, chương trình làm việc tại địa phương về Ban Kế hoạch Tổng hợp định kỳ 6 tháng;

b) Ký kết hợp đồng và triển khai thực hiện nhiệm vụ được phân công theo đúng Luật, quy chế, quy định hiện hành;

c) Báo cáo tiến độ, những vướng mắc phát sinh về Ban Kế hoạch Tổng hợp trong quá trình triển khai để kịp thời tháo gỡ;

d) Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đã được thỏa thuận, cam kết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, những quy định trước đây trái với văn bản này đều không còn hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện, Quy chế này có thể được sửa đổi và bổ sung cho phù hợp với thực tiễn. Việc sửa đổi và bổ sung các điều khoản trong Quy chế này do Giám đốc Viện xem xét và quyết định./.